

<p>TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC TỈNH NGHỆ AN</p> <p>Bản án số: 14/2021/DS-ST Ngày: 23 - 9 - 2021 V/v “<i>Tranh chấp Hợp đồng tín dụng</i>”.</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>
--	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Xuân Vinh.
2. Ông: Lê Quang Hòa.

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Giáp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 22/4/2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng H

Địa chỉ: Số 15T, đường Nguyễn Thị Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T; Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng H - Chi nhánh Nghệ An (Theo quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 42/2020/QĐ-NHHT ngày 16/4/2020 của Ngân hàng H).

Địa chỉ: Số 4, đường Dương Văn N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1932.

Nơi cư trú: Xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số DHD0700497, ký kết ngày 04/03/2013 và Giấy nhận nợ ngày 04/3/2013 giữa Quỹ tín dụng T (Nay là Ngân hàng H) - Chi nhánh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C vay tổng số tiền 600.000.000 đồng; mục đích để bổ sung vốn đầu tư mua máy đào bánh xích hiệu Kobelco SK310; thời hạn cho vay 36 tháng, kể từ ngày 04/03/2013 đến ngày 04/03/2016. Lãi suất cho vay được ghi trên giấy nhận nợ ngày 04/3/2013, cụ thể về lãi suất cho vay trong hạn là 1,15%/tháng và được điều chỉnh lãi suất theo quyết định của bên cho vay; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương thức trả gốc theo 3 kỳ và trả lãi 03 tháng/lần.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất diện tích 800m² (Trong đó đất ở 200m², đất vườn 600m²) tại thửa đất số 419, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 200m² tại xóm Kim Liên, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I113862 ngày 01/10/1997 mang tên bà Nguyễn Thị Thù theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1865/HĐTC, ký kết ngày 01/03/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà C đã trả được tổng số tiền 161.970.000 đồng (Trong đó tiền gốc đã trả 16.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn đã trả đến ngày 03/12/2014 là 145.970.000 đồng). Từ ngày 04/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2021 ông L, bà C đã vi phạm các thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng, không trả đầy đủ nợ gốc, nợ lãi theo 3 kỳ và khi đến hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp nhưng ông L, bà C vẫn không hợp tác trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2021 đang còn nợ tổng số tiền là 1.265.955.727 đồng (Trong đó nợ tiền gốc 584.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn còn 470.966.500 đồng; Tiền lãi quá hạn là 210.989.227 đồng). Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông L, bà C phải trả nợ số tiền trên. Trường hợp ông L, bà C không thanh toán được đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi thì được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để tất toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi thì đề nghị ông L, bà C phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên không có lời khai hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên Tòa án không thể ghi lời khai, lấy ý kiến và tiến hành hòa giải theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt những người trên là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C trả cho Ngân hàng H tổng số tiền 1.265.955.727 đồng (Trong đó tiền gốc 584.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 470.966.500 đồng; Tiền lãi quá hạn là 210.989.227 đồng). Trường hợp không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C phải trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng mà các bên đã ký kết nên được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An. Bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ông L, bà C vay của Ngân hàng 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 04/3/2013 đến ngày 04/3/2016. Sau thời hạn 3 năm ông L, bà C không trả được nợ gốc và lãi. Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 04/3/2016 đến 04/3/2019, Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu ông L, bà C trả nợ. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 14 tháng 4 năm 2021 Ngân hàng mới nộp đơn khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “Yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu”. Như vậy đối với khoản tiền gốc không đặt ra thời hiệu khởi kiện. Còn khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”. Do bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi trong vụ án này nên Tòa án vẫn xem xét giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2] . Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Yêu cầu trả nợ gốc: Theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hợp đồng tín dụng số DHD0700497 ngày 04/03/2013 và Giấy nhận nợ ngày 04/3/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng T (Nay là Ngân hàng H) - Chi nhánh Nghệ An với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông L, bà C. Tuy nhiên đến ngày 11/12/2017 ông L, bà C mới chỉ trả được tiền gốc 16.000.000 đồng. Tính đến thời điểm xét xử ông L, bà C còn nợ tiền gốc là 584.000.000 đồng. Do ông L, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đến kỳ và hạn theo Hợp đồng tín dụng nên vi phạm Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc.

[2.2]. Yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn: Hợp đồng tín dụng số DHD0700497 ngày 04/03/2013 và Giấy nhận nợ ngày 04/3/2013 các bên ký kết có thỏa thuận lãi suất như sau: Lãi trong hạn là 1,15%/tháng, tương đương 15%/năm; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn

đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Từ ngày 04/3/2013 đến ngày 03/12/2014 ông Liêu, bà Cung đã trả được số tiền lãi trong hạn là 145.970.000 đồng. Tính từ ngày 04/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2021 còn nợ tiền lãi trong hạn là 470.966.500 đồng; Tiền lãi quá hạn tính theo kỳ và đến hạn của hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2021 là 210.989.227 đồng, nên cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi đối với nguyên đơn.

[2.3]. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1865/HĐTD ngày 01/03/2013 được ký kết giữa bên thế chấp bà Nguyễn Thị T và bên nhận thế chấp Ngân hàng H - Chi nhánh Nghệ An. Tài sản thế chấp là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 05, diện tích 800m² (Trong đó đất ở 200m², đất vườn 600m²) và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 200m² tại địa chỉ xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số I 113862 do Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh Nghệ An cấp ngày 01/10/1997 mang tên bà Nguyễn Thị T để đảm bảo cho khoản vay của ông L, bà C. Nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, tỉnh Nghệ An nên phát sinh hiệu lực. Do đó yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp ông L, bà C không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự phát mại tài sản để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng thẩm định và định giá tài sản, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án);

2. Tuyên xử:

2. 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C có nghĩa trả cho Ngân hàng H - Chi nhánh Nghệ An tổng số tiền 1.265.955.727đ (Một tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng (Trong đó tiền gốc 584.000.000 đồng; Tiền lãi trong hạn 470.966.500 đồng; Tiền lãi quá hạn là 210.989.227 đồng).

2.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng H - Chi nhánh Nghệ An có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 1865/HĐTD ngày 01/03/2013 đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 419, tờ bản đồ số 05, diện tích 800m² (Trong đó đất ở 200m², đất vườn 600m²) và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 2 tầng, diện tích 200m² tại địa chỉ xóm K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số I 113862 do Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh Nghệ An cấp ngày 01/10/1997 mang tên bà Nguyễn Thị T. Nếu xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng H - Chi nhánh Nghệ An thì ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C vẫn phải trả tiếp số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C phải chịu 49.978.672 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam số tiền 13.680.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005164 ngày 19/4/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An.

2.5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

2.6. Trường Hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Hương Giang